**TIẾT 105 ÔN TẬP GIỮA KÌ II**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Năng lực**

- HS khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong các tuần đầu học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu văn bản, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt ở các bài 6, bài 7, bài 8.

***a. Đọc hiểu văn bản:***

+ Phát biểu được đặc điểm của các thể loại đã học trong học kì II: VB nghị luận (bài 6); truyện trinh thám (bài 7), thơ song thất lục bát (bài 8)

+ Liên hệ, mở rộng: thực hành làm một số bài tập vận dụng.

***b.Viết:*** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; viết một truyện kể sáng tạo; viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

***c. Nói và nghe:*** Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự; kể một câu chuyện tưởng tượng; thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

***d.Tiếng Việt:*** Ôn tập về các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép; lựa chọn câu đơn - câu ghép; đặc điểm và chức năng của câu rút gọn và câu đặc biệt; sự khác biệt của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn.

***-***  HS vận dụng kiến thức để tự đánh giá kết quả học tập giữa học kì II.

**2. Phẩm chất**

- Biết sống trung thực, trách nhiệm; tôn trọng pháp luật.

- Có tình yêu với thơ ca và vẻ đẹp của con người, cuộc sống được thể hiện trong thơ.

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, video…
2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, máy tính

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | |
|  |  | |
|  |  | |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| KHỞI ĐỘNG | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  - Cách tổ chức: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Hộp quà bí mật (Game mini) thông qua trả lời câu hỏi.  (1) GV phổ biến luật chơi: GV có 6 hộp quà bí mật, trong đó có 1 hộp quà may mắn. 5 hộp quà còn lại tương ứng với 5 câu hỏi. HS nào mở vào ô hộp quà may mắn sẽ được nhận phần thưởng của hộp quà. HS nào mở được 5 hộp quà còn lại, phải tham gia trả lời câu hỏi chứa đựng trong hộp quà. Trả lời đúng được 1 phần quà trong hộp bí mật. Trả lời sai thì HS khác được trả lời và nhận quà. Câu hỏi là những kiến thức xoay quanh bài học. Phần quà do GV thiết kế: Có thể là bút, vở, tràng vỗ tay, lời khen của người bạn bên cạnh,…  **Bước 2:** GV đọc từng câu hỏi; HS đứng vào vị trí GV hướng dẫn để tham gia trò chơi.  **Bước 3:**  Sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS có 5s để suy nghĩ và đưa ra đáp án.  **Bước 4.** GV công bố kết quả. HS nhận quà từ GV.*.*  **Gợi ý nhóm câu hỏi:**  **Câu 1:** Ở các bài 6, 7, 8, em đã được học các thể loại văn học nào?  Gợi ý: Ở các bài 6,7, 8 em đã được học các thể loại văn học là:   * VB nghị luận * Truyện trinh thám * Thơ song thất lục bát   **Câu 2:** Em hãy nêu đặc điểm của nhân vật trong truyện trinh thám.  Gợi ý: + *Nhân vật:* Truyện trinh thám thường có những kiểu nhân vật quen thuộc: kẻ gây án giấu mặt, nạn nhân, cảnh sát, thám tử,…  + *Nhân vật chính:* là thám tử (chuyên nghiệp hoặc nghiệp dư) – người có kĩ thuật điều tra vượt trội, đồng thời có khả năng quan sát tinh tường, khả năng phân tích, suy luận, đánh giá sắc bén.  **Câu 3:** Nêu các nghĩa của yếu tố Hán Việt “đồng”.  Gợi ý*: đứa trẻ; con ngươi mắt; một loại kim loại; cùng, cùng nhau*  **Câu 4:** Điền từ thích hợp vào dấu (...) trong câu sau:  “Kể một câu chuyện mà em tưởng tượng trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm”. Đây là đề bài thuộc dạng bài (...)  Gợi ý: Viết một truyện kể sáng tạo.  **Câu 5:** Hãy nêu cách phân loại câu ghép.  Gợi ý:  - Căn cứ vào sự có mặt hay vắng mặt của từ ngữ làm phương tiện nối các vế câu:  + Câu ghép có từ ngữ liên kết  + Câu ghép không có từ ngữ liên kết  - Căn cứ vào quan hệ giữa các vế câu:  + Câu ghép đẳng lập: là câu ghép mà các vế có quan hệ đẳng lập, không phụ thuộc nhau.  + Câu ghép chính phụ: là câu ghép mà các vế có quan hệ phụ thuộc nhau.  GV và HS cùng đánh giá phần thể hiện của HS, kết nối vào nội dung ôn tập | | |  | |
|  |  | |
|  |  | |
|  |  | |
|  |  | |
| HÌNH THÀNH KIẾN THỨC | | | | |

Hồ Thị Trang- trường THPT Đông Đô- HN- 0973585558

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Làm việc cá nhân:**  *Thống kê tên các thể loại và tên văn bản cụ thể đã học trong sách Ngữ văn 9, tập 2 ở bài 6, 7, 8.*  - HS thực hiện: **Phiếu học tập 01**   |  |  | | --- | --- | | **Thể loại** | **Văn bản** | |  |  | |  |  | |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS tự giác xung phong trả lời.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo cá nhân  -HS khác góp ý, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV và HS đánh giá phần trình bày của HS  - GV kết luận về sự chuẩn bị và trình bày của HS | **1. Thống kê tên các thể loại, kiểu văn bản và tên văn bản đã học trong 8 tuần kì II:**   |  |  | | --- | --- | | **Thể loại** | **Văn bản** | | **1. VB nghị luận** | - *Đấu tranh cho một thế giới hòa bình* (G.G. Mác-két).  *- Bài phát biểu của Tổng Thư kí liên hiệp quốc về biến đổi khí hậu* (An-tô-ni-ô Gu-tê-rét)  ­- *Bản sắc dân tộc: cái gốc của mọi công dân toàn cầu* (Nam Lê – Như Ý) | | **2. Truyện trinh thám** | **-** *Chiếc mũ miện dát đá be - rô* (A-thơ Cô-nan Đoi-lơ)  - *Ngôi mộ cổ* (Phạm Cao Củng)  *- Kẻ sát nhân lộ diện* (Sác-lơ Uy-li-am) | | **2. Thơ song thất lục bát** | *- Nỗi nhớ thương của người chinh phụ* (Nguyên tác chữ Hán: Đặng Trần Côn, bản diễn Nôm: Phan Huy Ích)  - *Hai chữ nước nhà* (Trần Tuấn Khải)  - *Tì bà hành* (Bạch Cư Dị) | | |
| **Nhiệm vụ 2: Tri thức Ngữ văn của các văn bản đọc hiểu bài 6, bài 7, bài 8** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Trình bày tri thức ngữ văn của các văn bản đọc hiểu của bài 6, bài 7, bài 8  GV chia lớp thành 6 nhóm, HS thực hiện yêu cầu sau:  - Nhóm 1, 2: Nêu đặc điểm của VB nghị luận; ý tưởng, thông điệp của VB.  - Nhóm 3, 4: Nêu đặc điểm của VB truyện trinh thám  - Nhóm 5, 6: Nêu đặc điểm của VB song thất lục bát.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thống nhất nhóm cử đại diện báo cáo  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Đặc điểm thể loại của các văn bản đọc hiểu**  **a. VB nghị luận**  **\* Một số thành tố của văn bản nghị luận**  *- Luận đề:* là quan điểm tư tưởng bao trùm toàn bộ bài viết. thường được nêu ở nhan đề hoặc ở phần mở đầu của văn bản  - *Luận điểm* là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề, nhằm triển khai làm rõ luận đề.  ->Trong VB nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, bằng chứng  *- Ý kiến đánh giá chủ quan của người viết:* là những phát biểu nhận định mang tính quan điểm riêng của tác giả.  *- Bằng chứng khách quan:* là những đồ vật, sự vật, số liệu có thật có thể kiểm nghiệm được trong thực tế đời sống.  **\* Ý tưởng, thông điệp của văn bản**  - Ý tưởng là những suy nghĩ, dự định, mục tiêu của người viết.  - Ý tưởng thường nảy sinh qua quá trình người viết trải nghiệm, quan sát, khám phá, trăn trở trước cuộc sống. Từ đó, thôi thúc ý định viết.  - Thông điệp là những ý tưởng quan trọng (bài học, tư tưởng, cách ứng xử,…) được gửi gắm trong văn bản.  **b. Truyện trinh thám**  - *Không gian, thời gian:*  + *Không gian:* là nơi diễn ra hoặc lưu giữ các manh mối về vụ án (dấu vết, tung tích của tội phạm, của nạn nhân hoặc những người liên quan,…). Đó cũng là không gian diễn ra các hoạt động điều tra, khám phá những sự thật về vụ án.  + *Thời gian:* là thời gian diễn ra các hoạt động điều tra, từ lúc khởi đầu cuộc điều tra cho đến khi các nhà điều tra chính thức đưa ra bằng chứng, những phân tích, lí giải thuyết phục và kết luận về vụ án.  ++ Thời gian này thường có giới hạn trong một vài tuần hoặc vài ngày, thậm chí vài giờ. Điều này mang lại những thách thức cho nhân vật chính trong quá trình khám phá vụ án.  - *Cốt truyện, sự kiện:* Cốt truyện của truyện trinh thám xoay quanh quá trình điều tra, làm sáng tỏ vụ án.  => Những bí mật về thủ phạm được giữ kín đến cùng, tạo nên sự hấp dẫn, khiến người đọc luôn luôn ở trạng thái căng thẳng.  - *Chi tiết:* là loại chi tiết gắn với các tình huống có tác dụng gợi mở phán đoán đối với hoạt động điều tra. Mỗi chi tiết ấy như một bằng chứng hoặc một manh mối quan trọng trong quá trình điều tra.  - *Nhân vật, nhân vật chính:*  + *Nhân vật:* Truyện trinh thám thường có những kiểu nhân vật quen thuộc: kẻ gây án giấu mặt, nạn nhân, cảnh sát, thám tử,…  + *Nhân vật chính:* là thám tử (chuyên nghiệp hoặc nghiệp dư) – người có kĩ thuật điều tra vượt trội, đồng thời có khả năng quan sát tinh tường, khả năng phân tích, suy luận, đánh giá sắc bén.  - *Lời người kể chuyện:* Lời của người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất) gồm lời kể, miêu tả, phân tích, bình luận thường được kết hợp với lời nhân vật khác, nhất là lời của nhân vật thám tử, nhằm tái hiện một cách sinh động, hấp dẫn quá trình điều tra, khám phá vụ án.  - *Lời đối thoại:* thường góp phần mở ra các manh mối cho cuộc điều tra.  *- Lời độc thoại nội tâm:* được sử dụng nhằm thể hiện diễn biến tâm lý của nhân vật, nhất là nhân vật thám tử.  **b. Thơ song thất lục bát**  - *Số chữ, số dòng:* Mỗi khổ thơ gồm bốn dòng, được cấu trúc bằng hai dòng thất kết nối với hai dòng lục bát.  - *Vần:* Tiếng cuối của dòng thất đầu tiên hiệp vần với tiếng thứ năm của dòng thất tiếp theo (vần trắc). Tiếng cuối của dòng thất tiếp theo hiệp vần với tiếng cuối của dòng lục (vần bằng). Tiếng cuối của dòng lục hiệp vần với tiếng thứ sáu của dòng bát (vần bằng). Tiếng cuối của dòng bát hiệp với tiếng thứ năm của dòng thất kế tiếp đó (vần bằng) và cứ thế tiếp tục.  ­*- Nhịp:* Hai dòng thất được ngắt nhịp lẻ, thường là 3/4; dòng lục và dòng bát ngắt nhịp linh hoạt hơn (dòng lục thường ngắt nhịp 2/2/2, dòng bát thường ngắt nhịp 2/2/2/2. | |
| **Nhiệm vụ 3:** **Củng cố tri thức về những điểm cần lưu ý khi đọc hiểu các loại văn bản.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **THỂ LOẠI** | **NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI ĐỌC HIỂU** | | 1 | VB nghị luận | ………………………………………………….  …………………………………………………. | | 1 | Truyện trinh thám | ………………………………………………….  …………………………………………………. | | 2 | Thơ song thất lục bát | ………………………………………………….  ………………………………………………… | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *GV chiếu phiếu học tập số 02, HS thực hiện theo cặp đôi.*  *Nhiệm vụ: Tóm tắt những điểm cần lưu ý khi đọc hiểu văn bản theo các thể loại cụ thể.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 2 cặp đôi trả lời.  - Các cặp nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - HS đánh giá ý kiến của nhóm bạn.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức trên màn hình- HS tự bổ sung. | | **3. Những điểm cần lưu ý khi đọc hiểu các loại văn bản.** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **THỂ LOẠI** | **NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI ĐỌC HIỂU** |
| **1** | **VB nghị luận** | - Xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được nêu trong VB; vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các yếu tố này.  - Nhận biết, phân tích lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu.  - Chỉ ra mục đích viết của VB và mối quan hệ giữa mục đích viết với đặc điểm của VB  - Nhận biết ý tưởng, thông điệp; bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội của văn bản. |
| **1** | **Truyện trinh thám** | - Xác định bối cảnh (thời gian, không gian) xảy ra sự kiện, câu chuyện.  - Tóm tắt cốt truyện.  - Phân tích vai trò của một số chi tiết có tác dụng làm manh mối cho cuộc điều tra.  - Phân tích quá trình phá án, khả năng quan sát, lập luận logic của nhân vật chính (thám tử). |
| **2** | **Thơ song thất lục bát** | - Xác định và phân tích được một số yếu tố thi luật của thơ song thất lục bát.  - Làm rõ nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc.  - Xác định và phân tích tỉnh cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản thông qua hình thức nghệ thuật. |

**II. TRI THỨC TIẾNG VIỆT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Phân công nhiệm vụ cho hs làm việc cặp đôi qua phiếu học tập  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS **Phiếu học tập số 3**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | \*Ôn tập nội dung thực hành tiếng Việt  Bài học  Phạm vi kiến thức tiếng Việt Trọng tâm cần nhớ  **Bài 6** Lựa chọn câu đơn- câu ghép; Các kiểu câu ghép và phương tiện nối các vế câu ghép \* Câu đơn – câu ghép  - Câu đơn: Câu có một cụm chủ ngữ - vị ngữ nòng cốt để biểu thị một phán đoán đơn.  - Câu ghép: Câu có hai cụm chủ ngữ - vị ngữ nòng cốt để biểu thị một phán đoán phức hợp, thể hiện một quá trình tư duy và thông báo có tính chất phức hợp.  \* Lựa chọn các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép:  - Dựa vào quan hệ giữa các vế, có thể chia câu ghép thành hai loại:  + Câu ghép đẳng lập: Các vế của câu ghép đẳng lập; không phụ thuộc nhau; giữa các vế của câu ghép đẳng lập thường có quan hệ ý nghĩa: liệt kê; lựa chọn; tiếp nối; đối chiếu.  + Câu ghép chính phụ: Các vế của câu có quan hệ phụ thuộc nhau; giữa các vế câu ghép chính phụ thường có quan hệ ý nghĩa: nguyên nhân – kết quả; điều kiện/giả thiết – kết quả; nhượng bộ - tương phản; mục đích – sự kiện.  - Dựa vào phương tiện nối các vế, có thể chia câu ghép thành 2 loại:  + Câu ghép có từ ngữ liên kết: giữa các vế được nối bởi các kết từ (và, rồi, hãy, còn,…), các cặp kết từ (vì..nên, nếu…thì, tuy…nhưng,…), các cặp từ ngữ hô ứng (càng…càng, vừa…vừa, mới…đã, bao nhiêu…bấy nhiêu, nào…ấy,…)  + Câu ghép không có từ ngữ liên kết.  **Bài 7** Câu rút gọn và câu đặc biệt \* Câu rút gọn:  - Khái niệm: Câu rút gọn là câu bị lược bỏ hoặc một vài thành phần nào đó và có thể khôi phục lại (các) thành phần bị rút gọn ngờ ngữ cảnh.  - Chức năng: Làm cho câu ngắn gọn hơn, tránh lặp lại những từ ngữ đã xuất hiện trước đó  \* Câu đặc biệt:  - Khái niệm: Câu đặc biệt là loại câu không có cấu tạo theo mô hình chủ ngữ - vị ngữ mà chỉ có một trung tâm cú pháp chính. Loại câu này do một từ hoặc một cụm từ (trừ cụm chủ - vị) cấu tạo thành  - Tác dụng: + Dùng để bộc lộ cảm xúc.  + Dùng để gọi – đáp  + Dùng để liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng, sự kiện  **Bài 8** Sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn Hiện tượng đồng âm khác nghĩa và đa nghĩa khá phổ biến trong các yếu tố Hán Việt, vì vậy, khi sử dụng từ Hán Việt, cần phân biệt được các yếu tố Hán Việt đồng âm khác nghĩa, nhận biết được các nghĩa của cùng một yếu tố Hán Việt đa nghĩa. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV tổ chức HS thảo luận nhóm bàn thực hiện yêu cầu: Nêu sự khác nhau về yêu cầu của các kiểu dạng bài viết được học ở bài 6, 7, 8  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn học sinh thực hiện.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả theo kĩ thuật công đoạn:  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **\* TRI THỨC PHẦN VIẾT**  **Yêu cầu luyện viết đã học ở 8 tuần học kì II**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Kiểu bài** | **Yêu cầu** | | Bài 6 | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết | - Về nội dung; xác định, phân tích được vấn đề cần giải quyết và đề xuất những giải pháp phù hợp, khả thi, thuyết phục.  - Về hình thức: lập luận chặt chẽ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  • Bố cục bài viết cần đảm bảo:  + Mở bài: giới thiệu vấn đề cần giải quyết, tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề.  + Thân bài: giải thích vấn đề cần giải quyết; phân tích vấn đề (thực trạng, nguyên nhân, tác hại) và đề xuất các giải pháp khả thi, thuyết phục.  + Kết bài: khẳng định lại ý thức về tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề; nêu bài học cho bản thân (về suy nghĩ, hành động). | | Bài 7 | Viết một truyện kể sáng tạo | • Về nội dung: đề tài gần gũi; nội dung câu chuyện gắn với một/ một vài nhân vật trong một bối cảnh thời gian, không gian nhất định; truyền tải thông điệp nào đó tới người đọc.  • Về hình thức: xây dựng cốt truyện gồm các sự việc chính, chi tiết tiêu biểu; kết hợp tự sự với miêu tả, biểu cảm.  • Bố cục cần đảm bảo:  + *Mở đầu truyện*: giới thiệu thời gian, không gian, các nhân vật và tình huống xảy ra câu chuyện.  + *Diễn biến truyện*: chọn ngôi kể phù hợp (ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba); lần lượt kể lại các sự kiện từ mở đầu đến kết thúc xoay quanh nhân vật chính; sử dụng các chi tiết tiêu biểu; xây dựng đối thoại giữa các nhân vật, kết hợp miêu tả và biểu cảm.  + Kết thúc truyện: có thể nêu cách giải quyết vấn đề được đề cập trong truyện phù hợp với diễn biến câu chuyện, gợi mở hoặc thể hiện những suy ngẫm từ/ về câu chuyện. | | Bài 7 | Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học | • Về nội dung: phân tích được nội dung chủ đề; nêu và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật đối với việc thể hiện nội dung  • Về hình thức: lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc; sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận của văn bản.  • Bố cục bài viết cần đảm bảo:  + Mở bài: giới thiệu tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả...), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  + Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.  + Kết bài: khẳng định lại ý kiến về chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHẦN NÓI VÀ NGHE** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi  Nêu các nội dung chính được rèn luyện về kĩ năng nói và nghe ở bài 6, 7, 8.  + GV trình chiếu kết hợp phát cho HS Phiếu học tập:   |  |  | | --- | --- | | **Kĩ năng** | **Nội dung** | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS báo cáo kết quả;  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **-** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **IV. Tri thức về phần nói và nghe**  Nội dung nói và nghe được rèn luyện:   |  |  | | --- | --- | | **Kĩ năng** | **Nội dung** | | **Nói** | Bài 6: Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự:  + Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự một cách thuyết phục  + Lựa chọn ngôn ngữ phù hợp với văn nói  + Tương tác tích cực với người nghe. | | - Bài 7: Kể một câu chuyện tưởng tượng:  + Câu chuyện cần được kể rõ ràng, cụ thể, dễ theo dõi.  + Giọng kể diễn cảm, có ngữ điệu theo diễn biến nội dung, tình huống, cảm xúc của nhân vật. | | **Nghe** | - Bài 6: Nghe ý kiến của bạn về một vấn đề mang tính thời sự.  - Bài 7: Nghe nội dung chính một câu chuyện, chú ý yếu tố tưởng tượng. | | **Nói nghe tương tác** | Bài 8: Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống | |